TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST
Ngày: 01/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân H**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**
2. Ông **Lưu Th**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Phan Văn Th** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa*:** Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 18/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HS ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/HSST-QĐ ngày 12/5/2022 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: W (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1997, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Cha: W1 - sinh năm 1972, Mẹ: H, sinh năm 1978. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo sống như vợ chồng với chị L - sinh năm 1981, trú tại: Thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 08/8/2013, có hành vi cùng đồng phạm Trộm cắp tài sản tại thành phố P, tỉnh G đến ngày 12/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 34/2014/HSST. (Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không được coi là có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự)

- Ngày 20/3/2014, có hành vi cùng đồng phạm Trộm cắp tài sản tại thành phố P, tỉnh G đến ngày 08/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 12 tháng tù, tổng hợp với Bản án số 34/2014/HSST ngày 12/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Gia Trung đến ngày 16/02/20216 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương. (Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không được coi là có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: K (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1994, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không đi học; Cha: H - sinh năm 1967, Mẹ: D - sinh năm 1968. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tốt

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Anh **Nguyễn Văn Th** - sinh năm 1983. Trú tại: Thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. **W2**, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

2. **T** - sinh ngày 23/8/2021. Trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho T: Bà **H**, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn 1, xã C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

* *Người phiên dịch:* Bà **HH.** Địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 19 giờ ngày 23/8/2021, W, K, T1 và T (sinh năm 2007, trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G) cùng nhau uống rượu tại lề đường trước Hội trường thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, W rủ K, T1 và T đi trộm cắp củ khoai lang ở vườn khoai lang của người dân tại thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G (do W sống như vợ chồng với chị L tại thôn BL nên biết tại đây có vườn khoai lang), K, T1 và T đồng ý. W về nhà mượn em trai tên W2 (sinh năm 1999, trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G) xe mô tô biển số 81H3- 6654 rồi điều khiển xe mô tô chở T về nhà lấy xe mô tô biển số 43K4 - 2605, đồng thời W đưa cho T 20.000 đồng để T đi mua bao cước đựng khoai; T về nhà mượn xe mô tô biển số 43K4- 2605 của gia đình để đi chơi. Sau khi mượn được xe mô tô, T điều khiển xe mô tô biển số 43K4- 2605 đến quán tạp hóa của chị Đinh Thị T (sinh năm 1980, trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G) mua 04 bao tải màu đỏ loại bao xác rắn hết 16.000 đồng, còn lại 4.000 đồng T mua bánh snack về để cả nhóm tiếp tục uống rượu. Khoảng 21 giờ cùng ngày W điều khiển xe mô tô biển số 81H3- 6654 chở T; T1 điều khiển xe mô tô biển số 43K4- 2605 chở K tất cả đi đến rẫy khoai lang của anh Nguyễn Văn Th (sinh năm 1983, trú tại: Thôn 2, xã C, thành phố P, tỉnh G*)* thuộc thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G. W, K, T1 và T giấu 02 xe mô tô trong rẫy cà phê đối diện rẫy khoai lang, rồi cùng trèo qua Tường gạch vào trong rẫy khoai lang. W nhặt 01 cục đá (kích thước khoảng 04cm x 06cm) ở gần cửa sắt vào rẫy, dùng cục đá đập phá khóa cổng, mở cửa sẵn để vận chuyển khoai lang ra sau khi trộm cắp được. W, K, T1 và T cùng nhau dùng tay nhổ, bới lấy củ khoai lang gom lại thành đống; khi nhổ được 02

đống củ khoai, W, K, T1 và T dồn các củ khoai lang đầy 04 bao cước, còn lại một ít củ khoai lang (có khối lượng 17kg), do không còn bao cước đựng nên các đối Tợng bỏ lại. Cả nhóm cùng nhau khiêng các bao củ khoai ra cổng rẫy, T1 và W đi ra lấy xe mô tô dừng trước cổng để bỏ khoai lên. T1 ngồi lên xe mô tô biển số 43K4- 2605 để T, K và W khiêng 02 bao khoai lang lên xe mô tô trước, sau đó W, K và T đang chất khoai lang lên xe mô tô 81H3- 6654 thì bị vợ chồng anh H (sinh năm 1983) và chị H (sinh năm 1988) cùng trú tại thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G phát hiện, giữ xe lại (anh H và chị H được anh Nguyễn Văn Th thuê trông coi rẫy khoai lang cho anh Th). Thấy bị phát hiện, T1 điều khiển xe mô tô biển số 43K4 - 2605 chở T ngồi sau và 02 bao khoai bỏ chạy về nhà W tại thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G; W và K bỏ lại xe mô tô và 02 bao khoai bỏ chạy trốn khỏi hiện trường rồi về nhà W ngủ.

Khoảng 7 giờ ngày 24/8/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 43K4- 2605 chở K và 02 bao củ khoai lang đến chợ A 2 thuộc Thôn 3, xã A, thành phố P, tỉnh G bán cho chị Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1977, trú tại: Thôn 1, xã C, thành phố P, tỉnh G) là tiểu thương tại chợ A 2 với số tiền 1.200.000 đồng. (giá bán khoai là 10.000đ/01kg, khối lượng 02 bao khoai lang là 120kg). T điều khiển xe mô tô biển số 43K4- 2605 chở K đi về nhà W; K chia cho T số tiền 250.000 đồng; T1 số tiền 200.000 đồng; W số tiền 100.000 đồng; K đưa tiếp cho W 300.000 đồng để đi mua đồ về nhà W uống rượu; số tiền còn lại 350.000 đồng K giữ lại tiêu xài cá nhân.

2. Về vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm:

- 02 bao tải loại bao xác rắn màu đỏ, kích thước 60cm x 100cm; bên trong đựng củ khoai lang Nhật thu giữ tại hiện trường có trọng lượng là 109 kg;

- 17 kg củ khoai lang Nhật thu giữ tại hiện trường;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu POMUSPACYAN, số loại C100, biển số 81H3- 6654, số khung: VN019308, số máy: FMG019308, tình trạng xe đã cũ thu giữ tại hiện trường bên trong cốp xe mô tô có;

+ 01 tua vít cũ, dài 18cm, cán bằng nhựa, màu vàng.

+ 01 con dao rọc giấy cũ, dài 15cm, cán bằng nhựa, màu vàng.

+ 01 đồng hồ, mặt đồng hồ đường kính 40mm, trên mặt đồng hồ có chữ "Tissot", dây đồng hồ màu đen, bề rộng dây 22mm, đã hư hỏng.

+ 01 đồng hồ, mặt đồng hồ đường kính 44mm, trên mặt đồng hồ có chữ "Cafuer", dây đồng hồ màu nâu đen, bề rộng dây 24mm, đã hư hỏng.

- 01 xe mô tô có số khung VMXPCG0062H046296, số máy VHHLC150FMG01046296, tình trạng đã cũ; xe đeo biển số 43K4- 2605 do T1 giao nộp.

Như vậy, tổng trọng lượng củ khoai lang Nhật các bị cáo chiếm đoạt ngày 23/8/2021 là 246 kg, củ còn Tơi mới thu hoạch.

Theo Kết luận định giá số 105 ngày 18/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: 246 kg củ khoai lang Nhật đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 3.690.000 đồng.

Đối với T1, khai sinh ngày 02/6/2003 nhưng đến ngày 17/9/2010 mới đăng ký khai sinh; T từ khi sinh ra đến nay, gia đình chưa đăng ký khai sinh. Ngày 27/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu Phân viện

Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định xác định độ tuổi của T1 và T. Theo Bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 1349/C09C- Đ3 ngày 05/11/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Độ tuổi của T1 tại thời điểm ngày 23/8/2021 là từ 16 năm 10 tháng đến 17 năm 04 tháng; Theo Bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 1351/C09C-Đ3 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Phân viện KHHS tại TP Đà Nẵng kết luận: Độ tuổi của T tại thời điểm ngày 23/8/2021 là từ 13 năm 10 tháng đến 14 năm 4 tháng.

Quá trình điều tra xác định:

- Đối với 126kg củ khoai lang Nhật thuộc sở hữu cả anh Nguyễn Văn Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 81H3- 6654 bên trong cốp xe có 01 chiếc tua vít cũ, 01 con dao rọc giấy cũ, 02 đồng hồ đeo tay đã cũ thuộc sở hữu của anh W2 là em trai của W, việc W mượn xe mô tô đi làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội anh W2 không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với anh W2 là phù hợp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với 02 bao tải loại bao xác rắn, màu đỏ, kích thước 60cm x 100cm có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với 01 xe mô tô gắn biển số 43K4- 2605, quá trình điều tra T khai nhận tối ngày 23/8/2021, T về nhà mượn xe mô tô của bà H (sinh năm 1987, trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G, là mẹ của T1 và T) để đi chơi, việc T sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội mà H không biết. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bà H và ông T *(*sinh năm 1989, cùng trú tại: Thôn D, xã C, thành phố P, tỉnh G, là bố dượng của T1 và T), khai báo không biết, không sở hữu xe mô tô biển số 43K4- 2605, ngày 23/8/2021 bà H và ông T không cho T mượn xe mô tô như lời khai của T tại Cơ quan điều tra. Hiện T không có mặt tại địa phương nên không có căn cứ để làm rõ.

+ Kết quả xác minh biển số xe mô tô 43K4- 2605, có số khung là C100M0000237; số máy là C100ME0000237 chủ xe tên Nguyễn Hữu Kh, địa chỉ: Tổ 24, phường H, quận H, thành phố Đ, kết quả Ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H xác định anh Kh chưa từng đứng tên xe mô tô có đặc điểm như trên;

+ Kết quả tra cứu đối với xe mô tô có số khung VMXPCG0062H046296, số máy VHHLC150FMG01046296 là xe mô tô có biển số 92K8-9462, chủ xe tên Đăng Bảo T, địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Q để làm rõ nguồn gốc xe mô tô trên nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục tạm giữ, xác minh, làm rõ nguồn gốc đối với xe mô tô có số khung VMXPCG0062H046296, số máy VHHLC150FMG01046296, xe gắn biểu số 43K4– 2605 để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Về dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn Th yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.800.000 đồng Tương đương với 120kg củ khoai lang Nhật không thu hồi được; các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên, nhưng đến nay các bị cáo chưa bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 16/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo W và K về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K. Xử phạt bị cáo W từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù; xư phạt bị cáo K từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Đã được xử lý đúng quy định trong giai đoạn điều tra; còn lại 02 bao tải loại bao xác rắn, màu đỏ, kích thước (60 x 100)cm không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H (mẹ của T) về việc bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 450.000 đồng; số tiền 1.350.000 đồng còn lại các bị cáo thống nhất mỗi người bồi thường một nửa nên buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 675.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho người liên quan đến vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 23/8/2021, tại vườn khoai lang của gia đình anh Nguyễn Văn Th thuộc thôn BL, xã I, huyện Đ, tỉnh G, lợi dụng trời tối, các bị cáo W, K và T1 cùng với T lén lút, sử dụng tay đào, bới trộm cắp 246kg củ khoai lang Nhật, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 3.690.000 đồng.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Trong đó, bị cáo W là người khởi xướng việc phạm tội, quá trình phạm tội rất tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; bị cáo K tham gia trong vụ án với vai trò là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn lợi dụng sự sơ

hở của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào;

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo W và K thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo K có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo các bị cáo cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với T là người tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với các bị cáo nhưng đến thời điểm ngày 23/8/2021 T mới 13 năm 10 tháng tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xử lý đối với T là phù hợp;

Đối với đối Tượng T1, hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định truy nã nhưng đến nay chưa bắt được; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định tách vụ án hình sự; Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị cáo và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với bị cáo T1 là phù hợp.

Đối với bà H là mẹ và ông T là bố dượng của T1 và T. Tại Cơ quan điều tra bà H và ông T khai nhận không biết và không sở hữu xe mô tô đeo biển số 43K4- 2605; ngày 23/8/2021 không cho T mượn xe mô tô trên nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L không nhớ việc có mua củ khoai lang Nhật của T và K bán hay không nên không có căn cứ để xử lý;

[3] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật; riêng đối với 02 (hai) bao tải loại bao xác rắn, màu đỏ, kích thước (60 x 100)cm không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn Th yêu cầu bồi thường số tiền 1.800.000 đồng Tương đương với 120kg củ khoai lang Nhật không thu hồi được.

Tại phiên tòa, bà H (là mẹ của T - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án) tự nguyện bồi thường thay T cho anh Th số tiền 450.000 đồng.

Số tiền phải bồi thường còn lại là 1.350.000 đồng, các bị cáo thống nhất mỗi bị cáo bồi thường một nửa nên buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Th số tiền 675.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật đối với bị cáo K;

- Điều 47; Bộ luật hình sự; Điều 106; 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự

- Điều 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **W** và **K** phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo W 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 24/5/2022.

Xử phạt bị cáo K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 24/5/2022.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao tải loại bao xác rắn, màu đỏ, kích thước (60 x 100)cm.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/4/2022 giữa Công an huyện Đ,tỉnh G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về dân sự:

Buộc các bị cáo W và K, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 675.000 đồng *(Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*.

Bà H (mẹ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là T) phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 450.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo W và K, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo W, bị cáo K và bà H mỗi người phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/6/2022); Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh G;*
- *Sở T pháp tỉnh G;*
- *Công an huyện Đ;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *THADS huyện Đ;*
- *Bị cáo; Bị hại*
- *Người có qlnvlq đến vụ án;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu HS, AV, VT;*